

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Ba Tô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.810	747	41,3	
I	Thu nội địa	1.810	747	41,3	
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
IV	Thu viện trợ				
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	85.316	94.565	110,8	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.576	336	21,3	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	501	214	42,8	
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	1.075	122	11,3	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	83.740	28.732	34,3	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	72.853	18.213	25,0	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	10.887	10.519	96,6	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang dành để CCTL	0	65.497	0,0	
VI	Thu viện trợ		0		
C	TỔNG CHI NSDP	90.130	20.476	22,7	
I	Chi cân đối NSDP	90.130	20.476	22,7	
1	Chi đầu tư phát triển	3.111	660	21,2	
2	Chi thường xuyên	85.530	19.816	23,2	
4	Dự phòng NSNN	1.489			
5	Các nhiệm vụ chi khác				
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Ba Tô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.810,0	747,4	41	
I	Thu nội địa	1.810,0	747,4	41	
1	Thu từ khu vực DNNN	0,0	251,1		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0,0	0,0		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	600,0	200,7	33	
-	Thuế giá trị gia tăng	180,0	55,3	31	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	30,0		0	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0,0			
-	Thuế tài nguyên	390,0	145,4	37	
4	Thuế thu nhập cá nhân	180,0	81,9	46	
5	Thuế bảo vệ môi trường	0,0	0,0		
6	Lệ phí trước bạ	640,0	159,2	25	
7	Thu phí, lệ phí	190,0	52,7	28	
8	Các khoản thu về nhà, đất	130,0	1,5	1	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	130,0	1,5	1	
9	Thu khác ngân sách	70,0	0,4	1	
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.576,0	336,3	21	
1	Từ các khoản thu phân chia	1.075,0	121,8	11	
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	501,0	214,5	43	

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Ba Tô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	90.130	20.476	242	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	90.130	20.476	242	
I	Chi đầu tư phát triển	3.111	660	22	
1	Chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn trong nước	3.000	660	22,0	
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	111			
II	Chi thường xuyên	85.530	19.816	220	
	Trong đó:				
1	Chi Quốc phòng	450	110	24,4	
2	Chi An ninh và trật tự ATXH	1.091	192	17,6	
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	43.989	10.034	22,8	
4	Chi khoa học và công nghệ	-	-		
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	4.814	1.090	22,6	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	423	47	11,1	
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	244		0,0	
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	300	138	45,9	
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	500	5	1,0	
10	Chi sự nghiệp kinh tế	4.606	1.139	24,7	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	19.024	4.456	23,4	
12	Chi bảo đảm xã hội	9.742	2.605	26,7	
13	Chi khác	347			
IV	Chi cho vay				
V	Chi viện trợ				
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-			
VII	Dự phòng ngân sách	1.489			
VIII	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương				
IX	Các nhiệm vụ chi khác				